

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Công Danh

- Bà Vương Thị Khánh Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1468/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 577/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Đào Thị L, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Tổ 28, ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện HN, tỉnh ĐT.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 39, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Địa chỉ liên lạc: 96/2 Tổ 9, khu phố 2, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979;

Địa chỉ thường trú: Tổ 28, ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện HN, tỉnh ĐT.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 39, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Chỗ ở hiện nay: Nhà của ông Lê Hồng T1, đường Nguyễn Văn T2, Tổ 32, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Đào Thị Lê trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Đào Thị L) và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thường Phước 1, huyện HN, tỉnh DT và được UBND xã Thường Phước 1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyền số 01/2011 ngày 13/4/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian và có 02 con chung. Nhưng sau đó thì vợ chồng chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống của hai vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích, cãi vã nhau. Nguyên nhân của những mâu thuẫn là do quá trình chung sống ông T thường xuyên tụ tập chơi bời, hay đập phá đồ đạc trong nhà, hơn nữa còn thường xuyên chửi bới, đánh đập tôi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau... dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì không muốn gia đình đổ vỡ, đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Tôi và ông T đã sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, tình cảm nay cũng không còn, vợ chồng cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi (L) được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Tôi (Đào Thị L) và ông Nguyễn Hoàng T có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28/5/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/01/2018. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh N cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28/5/2011, hiện đang học Lớp 8 Trường THCS TD, thành phố BH, tỉnh DN.

Cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/01/2018, hiện đang học Lớp 1 Trường Tiểu học Nguyễn Thái H, phường TD, thành phố BH, tỉnh DN.

Hiện tôi làm công nhân tại Công ty TKG Teakwang Vina Thuộc KCN Long Bình, thành phố BH, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung: Không có, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Trọng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Đào Thị L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Hoàng T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xét xử cho bà Đào Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

+ Về con chung: Bà Đào Thị L và ông Nguyễn Hoàng T có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28/5/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/01/2018. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Đào Thị L khai vợ chồng tự thỏa thuận và không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Đào Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đào Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979; Địa chỉ thường trú: Tổ 28, ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện HN, tỉnh ĐT; Địa chỉ tạm trú: Tổ 39, khu phố 3, phường TDài, thành phố BH, tỉnh ĐN; Chỗ ở hiện nay: Nhà của ông Lê Hồng T1, đường Nguyễn Văn T2, Tổ 32, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Đào Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 31/12/2024. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đào Thị L và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện CT, tỉnh ĐT và được UBND xã PH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2011 ngày 13/4/2011. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà L và ông T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Đào Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, lời khai có tại hồ sơ bà L kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 25/10/2024 tại UBND phường TD, thành phố BH có tại hồ sơ (Bút lục số 33) ghi nhận nội dung: “Giữa bà Đào Thị L, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979, tại địa chỉ: Tổ 39, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không rõ do không nhận được trình báo hay liên hệ để giải quyết”. Theo Biên bản xác minh tại Công an phường TD, thành phố BH ngày 01/11/2024 (Bút lục số 32) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979 có thực tế sinh sống tại địa chỉ: Nhà của ông Lê Hồng T1, đường Nguyễn Văn T2, tổ 32, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đến trụ sở làm việc, tổ chức phiên họp hòa giải để bà L và ông T đoàn tụ gia đình nhưng ông T đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành làm việc, hòa giải đoàn tụ được. Việc ông T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo như bà L trình bày trên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà Đào Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Bà Đào Thị L và ông Nguyễn Hoàng T có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28/5/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/01/2018. Khi ly hôn, bà L yêu cầu Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L hiện làm công nhân tại Công ty TKG Teakwang Vina Thuộc KCN Long Bình, thành phố BH, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con. Cháu Nguyễn Thanh H hiện đang học Lớp 8 Trường THCS TD, thành phố BH, tỉnh ĐN. Đồng thời, theo Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thanh H cùng ngày 16/7/2024 có tại hồ sơ (Bút lục số 27-28) nguyện vọng của cháu H sau khi ba mẹ ly hôn được sống chung với mẹ L, ý chí của cháu H là tự nguyện nên ghi nhận. Còn cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày

18/01/2018 hiện đang sống chung với bà L. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Thanh H và cháu Nguyễn Thanh N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Đào Thị L khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn bà Đào Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Đào Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28/5/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/01/2018 cho bà Đào Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Đào Thị L khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn bà Đào Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Đào Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Lê đã nộp theo biên lai thu số 0004084 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Bà Đào Thị L và ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã PH, huyện CT,
tỉnh ĐT (Giấy chứng nhận kết hôn
số 62, quyền số 01/2011 ngày 13/4/2011);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn